

Mã đề thi: 3

Thời gian làm bài: 45 phút.
(40 câu trắc nghiệm)

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh:..... Lớp:

Câu 1: Các thành phần bắt buộc cấu tạo nên tế bào nhân sơ

- A. màng sinh chất, tế bào chất vùng nhân.
- B. màng sinh chất, vùng nhân, vỏ nhầy, tế bào chất.
- C. thành tế bào, tế bào chất, vùng nhân và roi.
- D. thành tế bào, nhân, tế bào chất, vỏ nhầy.

Câu 2: Đơn vị tổ chức cơ sở của mọi sinh vật là

- A. mô.
- B. cơ quan.
- C. tế bào.
- D. các đại phân tử.

Câu 3: Cơ nguyên sinh là

- A. một quá trình co tế bào diễn ra ở tế bào thực vật
- B. quá trình xảy ra khi tế bào ở trong môi trường nhược trương, tức áp suất thẩm thấu của môi trường ngoài cao hơn bên trong tế bào và điều này khiến nước thẩm thấu từ ngoài vào trong tế bào.
- C. hiện tượng tế bào chất bị co rút lại và tách khỏi thành tế bào thông qua quá trình thẩm thấu.
- D. hiện tượng tế bào chất bị lồi ra và tách khỏi thành tế bào thông qua quá trình thẩm thấu.

Câu 4: Màng sinh chất của tế bào ở sinh vật nhân thực được cấu tạo bởi

- A. các phân tử protein và axit nucleic.
- B. các phân tử photpholipit và axit nucleic.
- C. các phân tử protein.
- D. các phân tử protein và photpholipit.

Câu 5: Các loại protein khác nhau được phân biệt nhau bởi

- A. số lượng, thành phần, trật tự sắp xếp các axit amin và cấu trúc không gian.
- B. số lượng, trật tự sắp xếp các axit amin và cấu trúc không gian.
- C. số lượng, thành phần axit amin và cấu trúc không gian.
- D. số lượng, thành phần và trật tự sắp xếp các axit amin.

Câu 6: ADN là một đại phân tử cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, đơn phân là 4 loại

- A. ribonucleotit (A,T,G,X).
- B. ribonucleotit (A,U,G,X).
- C. nucleotit (A, U, G, X).
- D. nucleotit (A,T,G,X).

Câu 7: Chức năng của ADN là

- A. cấu tạo nên riboxom là nơi tổng hợp protein.
- B. lưu trữ, bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền.
- C. vận chuyển axit amin tới riboxom.
- D. truyền thông tin tới riboxom.

Câu 8: Đơn phân của ADN là

- A. axit amin.
- B. axit béo.
- C. nucleotit.
- D. bazơ nitơ.

Câu 9: Nếu bón quá nhiều phân cho cây sẽ làm cho

- A. làm cho cây héo, chết.
- B. làm cho cây không thể phát triển được.
- C. cây phát triển mạnh, dễ bị nhiễm bệnh.
- D. làm cho cây chậm phát triển.

Câu 10: Nếu môi trường bên ngoài có nồng độ của các chất tan lớn hơn nồng độ của các chất tan có trong tế bào thì môi trường đó được gọi là môi trường

- A. đẳng trương.
- B. ưu trương.
- C. nhược trương.
- D. bão hoà.

Câu 11: Đơn phân của prôtêin là

- A. glucozơ.
- B. nucleotit.
- C. axit amin.
- D. axit béo.

- Câu 12:** Các tế bào sau trong cơ thể người, tế bào có nhiều ti thể nhất là tế bào
 A. hồng cầu. B. biểu bì. C. xương. D. cơ tim.
- Câu 13:** Ở người, loại tế bào có lưới nội chất hạt phát triển mạnh nhất là
 A. hồng cầu. B. cơ. C. biểu bì da. D. bạch cầu.
- Câu 14:** Xenlulozơ được cấu tạo bởi đơn phân là
 A. fructozơ. B. saccarozơ. C. glucozơ và fructozơ. D. glucozơ.
- Câu 15:** Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo chủ yếu từ
 A. xenlulozơ B. photpholipit và protein.
 C. colesteron. D. peptidoglican.
- Câu 16:** Kiểu vận chuyển các chất ra vào tế bào bằng sự biến dạng của màng sinh chất là
 A. khuếch tán trực tiếp. B. vận chuyển chủ động.
 C. xuất, nhập bào. D. vận chuyển thụ động.
- Câu 17:** Mỗi nucleotit cấu tạo gồm
 A. đường pentozơ và nhóm photphat. B. đường pentozơ và bazơ nitơ.
 C. nhóm photphat và bazơ nitơ. D. đường pentozơ, nhóm photphat và bazơ nitơ.
- Câu 18:** Một phân tử mỡ bao gồm
 A. 1 phân tử glixerol với 1 axit béo B. 1 phân tử glixerol với 2 axit béo.
 C. 3 phân tử glixerol với 3 axit béo. D. 1 phân tử glixerol với 3 axit béo.
- Câu 19:** Nước có vai trò quan trọng đặc biệt với sự sống vì
 A. chúng có tính phân cực.
 B. có thể tồn tại ở nhiều dạng vật chất khác nhau.
 C. chiếm thành phần chủ yếu trong mọi tế bào và cơ thể sống.
 D. cấu tạo từ 2 nguyên tố chiếm tỷ lệ đáng kể trong cơ thể sống.
- Câu 20:** Hai chuỗi polinucleotit của ADN liên kết với nhau bởi liên kết
 A. cộng hoá trị. B. hydro. C. peptit. D. ion.
- Câu 21:** Chức năng không có ở protein là
 A. cấu trúc. B. truyền đạt thông tin di truyền.
 C. điều hoà quá trình trao đổi chất. D. xúc tác quá trình trao đổi chất.
- Câu 22:** Thế giới sinh vật được phân loại thành các nhóm theo trình tự lớn dần là
 A. loài - bộ - họ - chi - lớp - ngành - giới. B. giới - ngành - lớp - bộ - họ - chi - loài.
 C. loài - chi - họ - bộ - lớp - ngành - giới. D. loài - chi - bộ - họ - lớp - ngành - giới.
- Câu 23:** Lưới nội chất trơn có nhiệm vụ
 A. chuyển hoá đường và phân huỷ chất độc hại đối với cơ thể.
 B. tổng hợp protein.
 C. cả A và B.
 D. cung cấp năng lượng.
- Câu 24:** Những giới sinh vật thuộc nhóm sinh vật nhân thực là
 A. Giới nguyên sinh, giới thực vật, giới nấm, giới động vật.
 B. giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới thực vật, giới nấm.
 C. Giới khởi sinh, giới nấm, giới thực vật, giới động vật.
 D. giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới thực vật, giới động vật.
- Câu 25:** Vận chuyển thụ động
 A. cần tiêu tốn năng lượng. B. cần có các kênh protein.
 C. không cần tiêu tốn năng lượng. D. cần các bơm đặc biệt trên màng.
- Câu 26:** Chất hữu cơ có đặc tính kỵ nước là
 A. gluxit. B. lipit. C. cả A và B. D. prôtít.
- Câu 27:** Những thành phần không có ở tế bào động vật là
 A. không bào, diệp lục. B. màng xellulozơ, không bào.
 C. màng xellulozơ, diệp lục D. diệp lục hoặc không bào.

- Câu 28:** Cacbonhidrat là hợp chất hữu cơ được cấu tạo bởi các nguyên tố
 A. C, H, O. B. C, H, O, N. C. C, H, O, P. D. C, H, N, P.
- Câu 29:** Bốn nguyên tố chính cấu tạo nên chất sống là:
 A. C, H, O, N. B. C, H, O, P. C. O, P, C, N. D. H, O, N, P.
- Câu 30:** Hiện tượng phản cơ nguyên sinh xảy ra khi
 A. tế bào bị mất nước. B. tế bào chết.
 C. tế bào bị teo lại D. tế bào bị cơ nguyên sinh nhận được nước
- Câu 31:** Các cấp tổ chức của thế giới sống đều là những hệ mở vì
 A. có khả năng sinh sản để duy trì nòi giống. B. thường xuyên trao đổi chất với môi trường.
 C. có khả năng thích nghi với môi trường. D. phát triển và tiến hoá không ngừng.
- Câu 32:** Vùng nhân của tế bào nhân sơ chứa 1 phân tử
 A. tARN dạng vòng. B. ADN dạng vòng. C. mARN dạng vòng. D. rARN dạng vòng.
- Câu 33:** Tế bào của cùng một cơ thể có thể nhận biết nhau và nhận biết các tế bào "lạ" là nhờ
 A. cả B và C.
 B. màng sinh chất có khả năng trao đổi chất với môi trường.
 C. màng sinh chất có "dấu chuẩn".
 D. màng sinh chất có protein thụ thể.
- Câu 34:** Các nguyên tố vi lượng thường cần một lượng rất nhỏ đối với thực vật vì
 A. chức năng chính của chúng là hoạt hoá các emzym.
 B. chúng đóng vai trò thứ yếu đối với thực vật.
 C. phần lớn chúng đã có trong các hợp chất của thực vật.
 D. chúng chỉ cần cho thực vật ở một vài giai đoạn sinh trưởng nhất định.
- Câu 35:** Tế bào vi khuẩn có kích nhỏ và cấu tạo đơn giản giúp chúng
 A. xâm nhập dễ dàng vào tế bào vật chủ.
 B. tránh được sự tiêu diệt của kẻ thù vì khó phát hiện.
 C. có tỷ lệ S/V lớn, trao đổi chất với môi trường nhanh, tế bào sinh sản nhanh hơn tế bào có kích thước lớn.
 D. tiêu tốn ít thức ăn.
- Câu 36:** Tính đa dạng và đặc thù của ADN được quy định bởi
 A. chiều xoắn.
 B. số lượng, thành phần và trật tự sắp xếp các Nucleotit.
 C. số vòng xoắn.
 D. tỷ lệ A + T / G + X.
- Câu 37:** ADN là thuật ngữ viết tắt của
 A. axit nucleic. B. axit deoxiribonucleic. C. axit nucleotit. D. axit ribonucleic.
- Câu 38:** Trong phương thức vận chuyển thụ động, các chất tan được khuếch tán qua màng tế bào phụ thuộc vào
 A. sự chênh lệch nồng độ của các chất tan giữa trong và ngoài màng tế bào.
 B. đặc điểm của chất tan.
 C. đặc điểm của màng tế bào và kích thước lỗ màng.
 D. nguồn năng lượng được dự trữ trong tế bào.
- Câu 39:** Phần lớn các nguyên tố đa lượng cấu tạo nên
 A. đại phân tử hữu cơ B. lipit, enzym
 C. glucosơ, tinh bột, vitamin D. protein, vitamin.
- Câu 40:** Đặc điểm cho phép xác định 1 tế bào của sinh vật nhân thực hay của 1 sinh vật nhân sơ là
 A. vật liệu di truyền được phân tách khỏi phần còn lại của tế bào bằng màng bán thấm.
 B. tế bào di động
 C. vật liệu di truyền tồn tại ở dạng phức hợp của axit nucleic và protein.
 D. nó có vách tế bào.

----- HẾT -----